

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam hồi phục

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm nhờ lực cầu bắt đáy tại thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

SHB, VGC

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi và chỉ gia tăng tỷ trọng khi giá của các cổ phiếu mục tiêu đã lùi về vùng hỗ trợ

12/10/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,034.81	+2.84
VN30	1,034.93	+3.32
HĐTL VN30F1M	1,025.10	+3.65
HNXIndex	223.43	+2.13
HNX30	374.48	+3.86
UPCoM	78.94	+1.27
USD/VND	23,935	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.93	+2
Lãi suất qua đêm (%)	5.88	-17
Dầu (WTI, \$)	89.24	-0.12
Vàng (LME, \$)	1,670.93	+0.28



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,034.81 (+2.84%)  
**KLGD (triệu CP)** 616.1 (+16.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 477.7 (-11.2%)

TTCK Việt Nam hồi phục trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán với thanh khoản cải thiện. Khối ngoại mua ròng mạnh, tập trung ở HPG (+6.9%), KBC (+5.8%) DGC (+6.6%).

**HNXIndex** 223.43 (+2.13%)  
**KLGD (triệu CP)** 54.2 (-30.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 34.0 (-27.5%)

Standard Chartered nâng dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam từ 6.7% lên 7.5% cho năm 2022 và từ 7% lên 7.2% cho năm 2023.

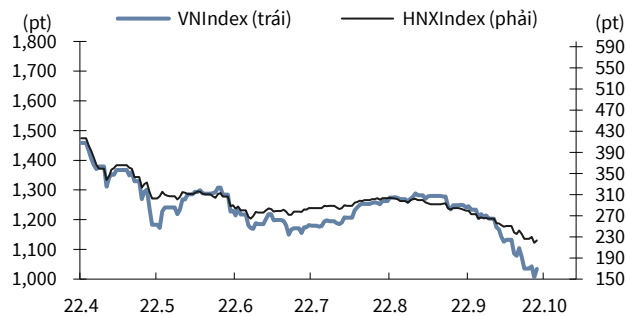
**UPCoM** 78.94 (+1.27%)  
**KLGD (triệu CP)** 28.2 (-16.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 14.2 (-24.1%)

Chi phí vận tải đường biển thế giới đang giảm mạnh trong bối cảnh những lo ngại về suy thoái kinh tế toàn cầu ngày càng gia tăng và được dự báo tiếp tục hạ tác động tiêu cực đến cổ phiếu vận tải, cảng biển ở SFI (-1.6%).

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +53.9

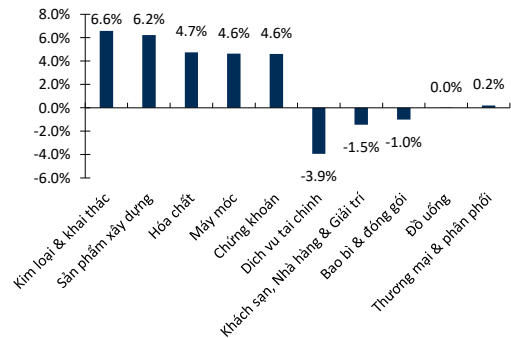
Theo DKRA, thị trường bất động sản nhà ở TP.HCM và vùng phụ cận, nguồn cung lẫn lượng tiêu thụ trong quý III/2022 có sự sụt giảm mạnh so với quý trước ở hầu hết các phân khúc khiến cổ phiếu bất động sản giảm giá ở PDR (-0.3%).

VNIndex & HNXIndex



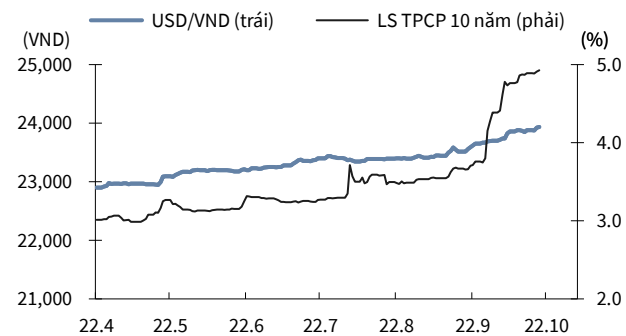
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

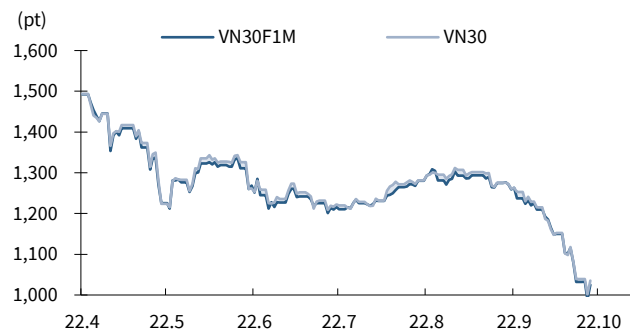
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,034.93 (+3.32%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,025.1 (+3.65%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>996.7</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,038.9</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>995.0</b>

Các HĐTL tăng điểm nhờ lực cầu bắt đáy tại thị trường cơ sở trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Chênh lệch F2210 và chỉ số Vn30 tăng lên mức cao nhất trong đầu phiên sáng đạt 3.42 điểm sau đó đảo chiều và biến động giằng co trước khi nở rộng vào cuối phiên xuống mức -10.42 điểm, đóng cửa tại mức -9.83 điểm. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

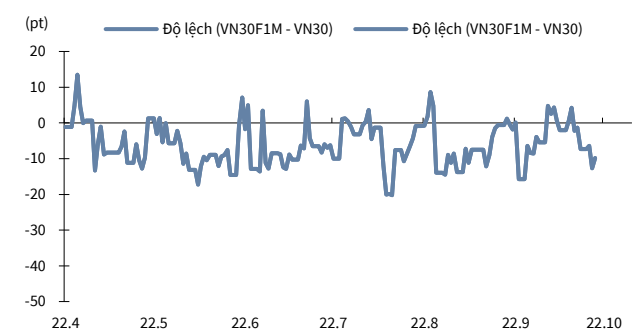
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>422,077 (-3.1%)</b>
------------------	------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



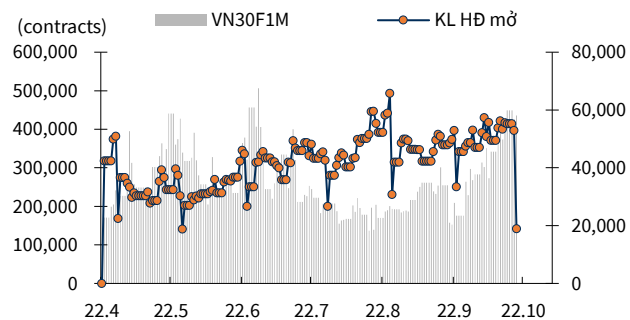
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



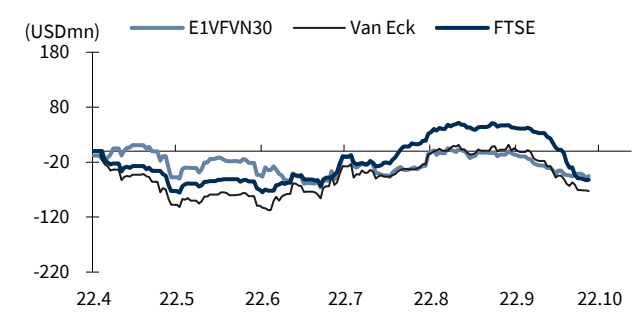
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

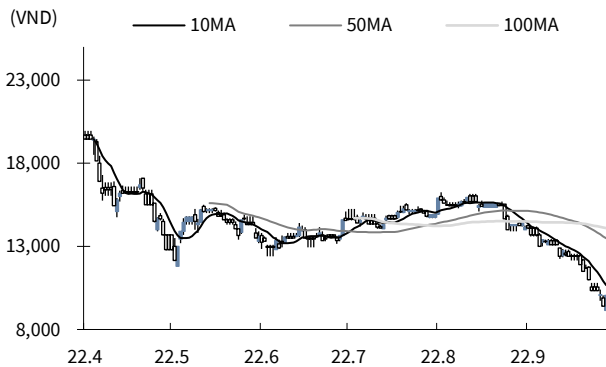
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

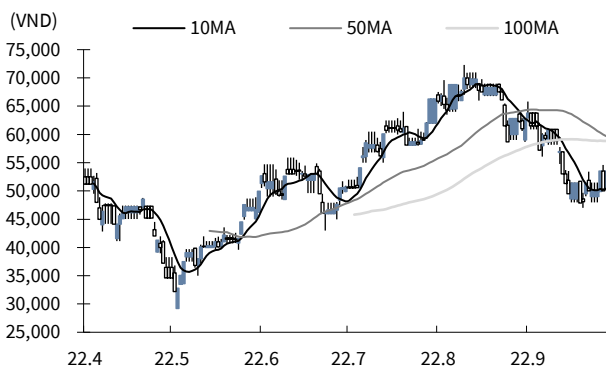
## Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SHB tăng 6.91% lên 10,500 VND/cp
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội công bố một số kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2022 với lợi nhuận trước thuế đạt 9,035 tỷ đồng, tăng 79% so với cùng kỳ năm 2021 và hoàn thành 78% kế hoạch.
- Trong 9 tháng năm 2022, tổng tài sản của SHB đạt hơn 528,000 tỷ đồng, huy động vốn đạt gần 400,000 tỷ đồng và dư nợ cho vay khách hàng đạt gần 380,000 tỷ đồng.

## Tổng Công ty Viglacera - CTCP (VGC)



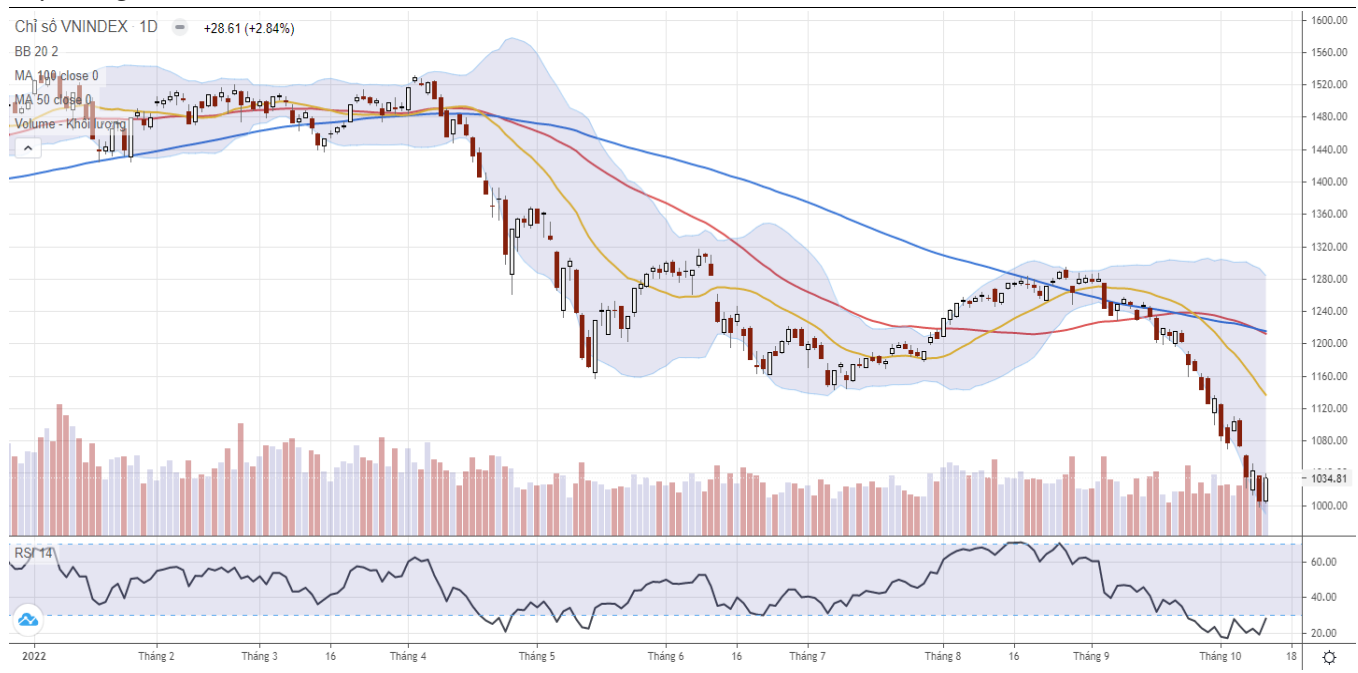
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VGC tăng 7% lên 53,500 VND/cp
- Q3/2022, VGC ước tính lợi nhuận đạt 317 tỷ đồng (+23% YoY). Theo đó, lũy kế 9 tháng đầu năm, VGC ước lợi nhuận đạt 2,057 tỷ đồng, tăng 97% so với cùng kỳ.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

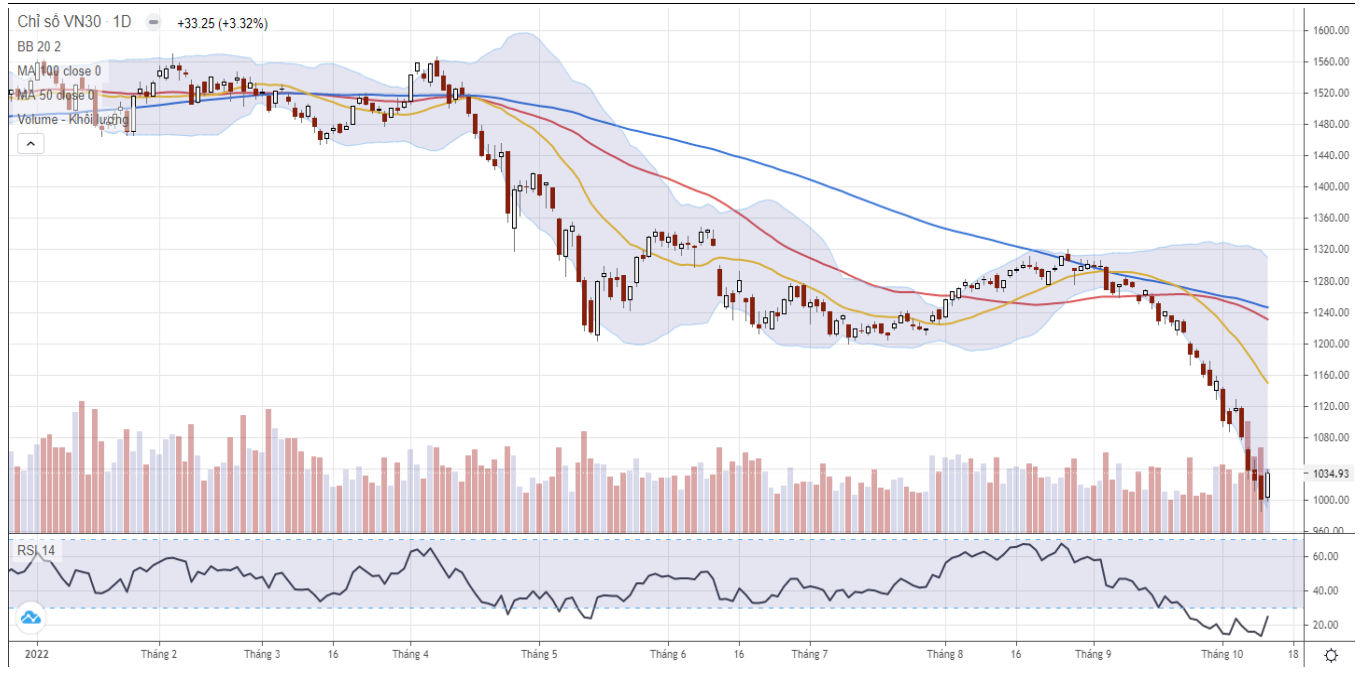
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



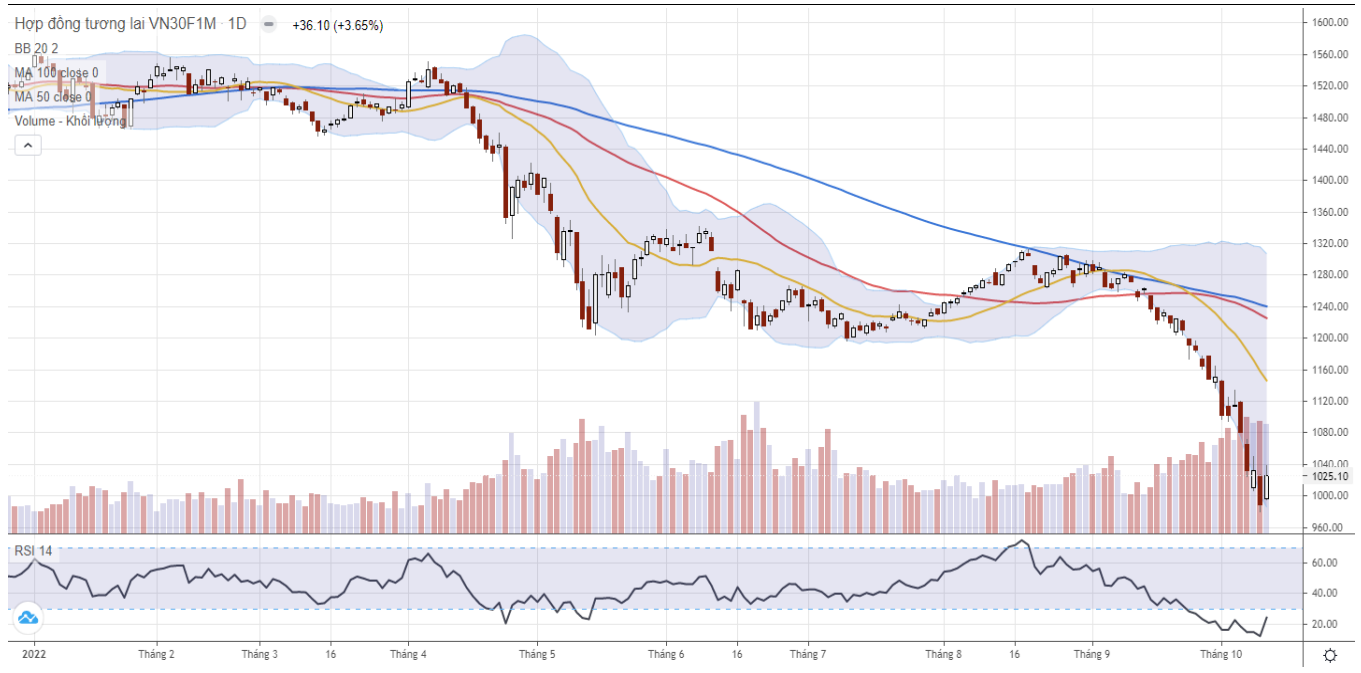
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp rung lắc đầu phiên, VNIndex sớm hồi phục và mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy sớm nhập cuộc giúp cho VNIndex bảo vệ thành công ngưỡng hỗ trợ mạnh quanh 1000 điểm. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, VNIndex đang đứng trước cơ hội mở rộng nhịp hồi phục lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp tại 1060 hoặc tích cực hơn là 1080.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi và chỉ gia tăng tỷ trọng khi giá của các cổ phiếu mục tiêu đã lùi về vùng hỗ trợ.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1046 - 1050

Kháng cự gần: 1037 - 1041

Hỗ trợ gần: 1012 - 1017

Hỗ trợ xa: 998 - 1002

- F1 tăng điểm tích cực ngay từ đầu phiên với biên độ mở rộng trước khi đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên
- Lực cầu áp đảo từ bên mua giúp cho chỉ số lấy lại ngưỡng hỗ trợ mạnh quanh 1000 điểm bị phá vỡ trong phiên trước. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, F1 đang đứng trước cơ hội mở rộng nhịp hồi phục lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp tại 1050 hoặc tích cực hơn là 107x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Long quanh các ngưỡng hỗ trợ.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

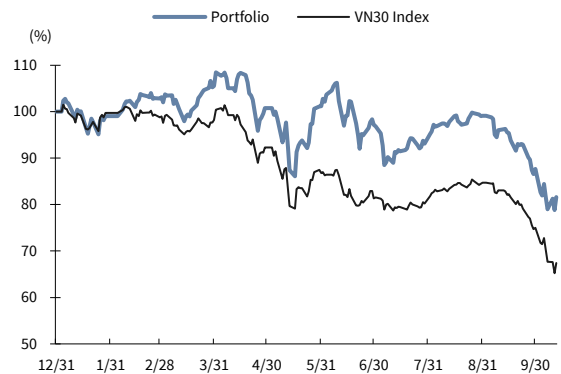
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	3.32%	3.55%
Tăng lũy kế (YTD)	-32.61%	-18.38%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 12/10/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	57,500	3.8%	48.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đạt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	20,000	3.6%	-29.8%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	105,000	0.4%	37.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	162,700	2.1%	-15.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	76,600	2.1%	159.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	72,400	2.0%	198.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	21,150	6.8%	11.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	107,000	0.8%	45.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	18,700	6.9%	67.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	23,250	6.9%	126.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	6.9%	20.4%	131.6
KBC	6.9%	17.4%	128.4
DGC	6.0%	13.8%	110.9
SSI	6.5%	34.2%	104.0
MSN	1.6%	28.9%	92.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TPB	5.9%	30.0%	-6.2
VND	2.2%	16.7%	-87.6
VCG	-3.8%	3.2%	10.6
KDC	-1.6%	29.0%	-0.4
NVL	1.3%	5.4%	-16.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	4.4%	0.2%	3.7
PVS	4.6%	11.3%	3.6
PVI	2.6%	58.6%	1.9
DDG	-0.3%	0.0%	0.5
HUT	1.1%	0.7%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	5.2%	4.5%	-1.4
PMS	3.3%	6.1%	-0.2
MBG	4.1%	1.0%	-0.0
NSH	3.6%	0.3%	-0.0
PBP	-3.9%	0.1%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	3.4%	VGC, BMP, SHI, DAG
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	2.3%	PLX, PGC, CNG, GSP
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	1.2%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Vận tải hàng không & Logistics	1.0%	TMS, SCS, STG, ASG
Cung cấp và dịch vụ thương mại	0.8%	TLG, ILB, APC, ST8

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-18.2%	EVF, OGC
Nước	-11.2%	BWE, TDM, SII, CLW
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-11.2%	TNH, JVC, VMD
Máy móc	-10.9%	TCH, HHS, SRF, SHA
Xây dựng và kỹ thuật	-10.0%	DIG, HDG, VCG, PC1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	1.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Dược	-5.0%	DHG, IMP, TRA, DBD
Đồ uống	-5.6%	SAB, BHN, SMB, SCD
Vận tải hàng không & Logistics	-5.6%	TMS, SCS, STG, ASG
Cơ sở hạ tầng & vận tải	-6.0%	GMD, LGC, CII, HAH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và kỹ thuật	-29.6%	DIG, HDG, VCG, PC1
Hóa chất	-25.5%	GVR, DGC, DPM, DCM
Chứng khoán	-25.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Dịch vụ tài chính	-24.2%	EVF, OGC
Kim loại & khai thác	-21.7%	HPG, HSG, NKG, KSB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	73,053 (3.1)	22.5	24.5	22.8	14.7	8.8	9.2	2.2	2.0	0.0	0.0	-6.3	-36.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	141,301 (5.9)	26.6	7.4	6.1	35.9	22.2	22.1	1.5	1.3	1.4	-2.4	14.5	-36.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	42,362 (1.8)	17.8	22.5	15.6	-7.6	7.7	10.2	1.7	1.6	2.3	10.4	15.8	-19.6
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	256,711 (10.8)	31.3	24.9	20.8	6.7	14.8	16.0	3.7	3.2	1.3	-7.3	-9.4	-16.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	76,576 (3.2)	11.6	13.2	12.3	13.7	13.0	12.8	1.5	1.4	7.0	-5.1	27.1	-43.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	230,324 (9.7)	13.9	10.2	7.3	-	10.4	12.7	0.7	0.6	4.5	14.6	34.7	-54.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	74,763 (3.1)	6.3	11.2	9.5	11.7	22.1	22.2	2.2	1.8	3.2	10.5	19.1	-18.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	37,268 (1.6)	12.7	11.0	8.5	-5.3	16.9	19.0	1.5	1.3	6.8	-4.2	17.5	-17.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	159,248 (6.7)	0.0	4.0	3.4	14.3	20.9	20.0	0.8	0.6	3.3	18.7	33.9	-50.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	82,823 (3.5)	1.4	5.4	4.4	50.3	19.7	22.1	0.9	0.8	6.8	-3.9	21.8	-37.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	305,521 (12.9)	0.0	6.2	5.9	18.8	20.2	17.2	1.0	0.9	4.2	-5.9	21.2	-33.0
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	161,167 (6.8)	0.0	4.4	3.8	14.6	24.6	23.0	1.0	0.8	6.9	10.7	24.1	-28.8
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	33,564 (1.4)	4.2	5.4	4.7	23.3	22.9	21.4	1.2	1.0	3.7	-9.2	18.1	-31.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	257,766 (10.8)	14.0	7.5	2.0	26.5	11.9	29.4	0.8	0.6	6.9	11.9	26.6	-46.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	41,129 (1.7)	0.0	5.3	4.0	37.4	21.6	22.0	1.0	0.8	5.9	14.6	23.9	-50.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	55,950 (2.4)	0.2	-	-	27.3	10.8	-	-	-	0.0	6.5	21.5	9.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	72,658 (3.1)	21.0	16.9	13.8	15.8	9.9	11.5	1.6	1.5	3.3	-4.1	14.2	-13.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	13,554 (0.6)	14.2	10.7	9.5	9.1	12.8	13.6	1.2	1.1	3.4	17.8	31.6	-51.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	315,963 (13.3)	55.4	10.4	9.4	-3.2	15.2	13.1	-	-	6.5	-7.5	21.1	-64.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	170,391 (7.2)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	6.9	-3.8	26.5	-53.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	159,351 (6.7)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	3.5	13.5	23.1	-57.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	306,566 (12.9)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	2.2	14.9	30.6	-58.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	134,687 (5.7)	42.1	17.0	15.3	4.0	27.1	29.2	4.3	4.2	2.0	0.0	-4.9	-17.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	26,050 (1.1)	36.9	23.6	20.4	7.3	22.3	22.9	4.9	4.3	0.0	-2.9	-5.9	21.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	77,186 (3.2)	16.5	20.5	14.7	-51.9	15.1	17.9	3.0	2.6	1.6	11.3	29.5	-43.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	34,515 (1.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.5	15.1	24.0	-61.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	58,922 (2.5)	11.0	45.9	29.1	-88.5	7.5	16.4	-	-	1.6	-5.5	-7.5	-15.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	43,170 (1.8)	10.8	16.5	14.5	-57.0	13.5	14.0	2.1	2.0	1.8	-3.9	-2.3	1.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	121,361 (5.1)	38.4	5.9	31.8	65.7	14.3	2.4	0.8	0.8	2.1	-6.3	21.8	-62.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	148,822 (6.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.4	20.5	39.0	-65.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	39,101 (1.6)	3.6	40.2	8.0	-52.4	1.0	4.8	-	-	1.8	16.0	36.1	-59.6
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	47,296 (2.0)	0.0	11.2	10.7	-4.5	16.0	14.8	1.6	1.4	2.1	-1.2	10.0	27.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	43,723 (1.8)	46.1	14.5	15.3	-17.5	24.7	20.8	3.5	3.1	0.8	0.0	-5.9	11.2	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	58,504 (2.5)	31.4	10.0	9.7	-10.5	18.2	16.8	1.6	1.5	1.4	-7.9	14.5	-2.7	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,051 (0.1)	34.1	17.9	8.1	-5.1	4.7	9.9	1.0	1.0	0.0	-8.1	14.3	-36.6	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	462,452 (19.5)	18.0	4.5	3.9	21.9	23.6	22.7	0.9	0.8	6.9	-2.6	21.4	-47.6	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	156,035 (6.6)	36.5	3.9	6.2	-0.5	40.0	22.4	1.3	1.2	6.9	7.3	11.4	-7.0	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	201,827 (8.5)	46.5	5.4	7.8	-4.5	38.3	22.2	-	-	6.9	1.4	16.3	-14.0	
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	146,796 (6.2)	38.9	7.2	5.7	67.9	10.2	11.8	0.7	0.6	6.7	0.4	24.1	-56.4	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	23,497 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	4.5	-	12.9	28.1	-60.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	40,844 (1.7)	4.6	22.5	12.2	-51.0	6.3	11.7	1.4	2.2	2.7	2.7	15.8	-37.1	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	229,676 (9.7)	39.9	148.1	19.1	-11.9	0.3	4.2	0.7	0.8	3.4	-0.8	-5.9	-11.6	
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	45,099 (1.9)	35.9	7.7	7.7	2.2	13.1	12.2	-	0.7	3.4	-2.9	18.1	-24.7	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	236,732 (10.0)	0.0	15.1	11.0	14.4	24.6	28.5	2.8	2.3	3.8	-7.6	22.3	-15.4	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	53,702 (2.3)	0.0	14.5	12.5	2.4	24.2	21.6	2.9	2.5	0.4	2.5	-6.4	9.1	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,270 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	2.0	-	15.0	26.8	-39.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	138,881 (5.9)	30.3	15.6	12.5	-75.2	27.8	25.6	3.6	2.8	6.9	-1.4	23.8	4.8	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	34,598 (1.5)	34.6	7.4	7.1	41.2	29.4	22.0	1.7	1.6	3.3	-	12.9	31.7	-35.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	632 (0.0)	45.4	13.3	12.3	10.7	21.3	20.6	-	-	4.0	-0.9	-8.5	-25.5	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	106,373 (4.5)	0.0	15.1	12.2	15.5	28.2	28.4	3.7	3.0	2.0	-7.7	14.4	-6.6	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann@kbsec.com.vn

### Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích  
quangtpt@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.